**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN PHÚ RIỀNG**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66/**2024/HSST
Ngày: 29/7/2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Lê Thị Bình**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Hồ Viết Trung**

**Bà Nguyễn Thị Uyên**

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa:* **Bà Lê Thị Tâm** - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2024/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/QĐXXST- HS ngày 17/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Quốc T (Tên gọi khác: T Đ)**, sinh năm 1987 tại Bình Phước; HKTT và chỗ ở: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn Đ (Đã chết) và bà Hà Thị Ngọc O, sinh năm 1957; Vợ là bà Đinh Thị Thanh H, sinh năm 1989 (Đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2024 đến ngày 25/01/2024 được tại ngoại cho đến nay. "Có mặt tại phiên tòa".

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Q, xã B, C, Bình Phước

2. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn S, xã B, huyện C, Bình Phước

3. Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn S, xã B, huyện C, Bình Phước

4. Ông Trịnh Văn Q, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, Bình Phước

5. Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn E, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2022, Phạm Quốc T do biết việc cho vay tiền lãi có thể kiếm tiền nên bắt đầu hoạt động cho vay lấy lãi trên địa bàn xã Phú Riềng. Do biết T cho vay tiền nên ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thu Thuỷ, ông Trịnh Văn Q và ông Bùi Ngọc T, đến gặp T để vay tiền. Quá trình cho vay, T chuyển tiền gốc, nhận tiền trả gốc và tiền trả lãi với người vay dưới hai hình thức: Bằng số tài khoản 050090482928 của ngân hàng Sacombank tên Phạm Quốc T với tài khoản của người vay hoặc trực tiếp đưa, nhận tiền với người vay. Các khoản T đã cho những người vay tiền cụ thể như sau:

* Đối với các khoản vay của ông Nguyễn Thanh Q:

- Đối với khoản vay đứng theo ngày:

+ Ngày 07/11/2022, ông Quang vay T với số tiền 100.000.000đ, thoả thuận mỗi ngày đóng 500.000đ tiền lãi. Đến ngày 24/11/2022, ông Quang trả tiền gốc và tiền lãi trong 18 ngày cho T với tổng số tiền là 109.000.000đ. Như vậy, trong gói vay này lãi suất là 182,5%/1 năm, T thu lợi thực tế theo quy định là 986.301,37đ, thu lợi bất chính thực tế là 8.013.698,63đ.

+ Ngày 28/11/2022, ông Quang vay T với số tiền 100.000.000đ thoả thuận mỗi ngày đóng 500.000đ tiền lãi. Đến ngày 30/12/2022, ông Quang trả tiền gốc và tiền lãi trong 33 ngày cho T với tổng số tiền là là 116.500.000đ. Như vậy, trong gói vay này lãi suất là 182,5%/1 năm, T thu lợi thực tế theo quy định là 1.808.219,18đ, thu lợi bất chính thực tế là 14.691.780,82đ.

- Đối với khoản vay đứng theo tháng:

Ngày 02/01/2023, ông Quang vay T với số tiền 20.000.000đ thoả thuận lãi mỗi tháng (30 ngày) đóng 3.000.000đ tiền lãi, trường hợp chưa hết tháng mà ông Quang trả lại gốc thì mỗi ngày đóng 100.000đ tiền lãi. Đến ngày 02/12/2023, ông Quang đã trả tiền lãi trong 11 tháng cho T với tổng số tiền là 31.000.000đ (ông Quang nợ T 2.000.000đ tiền lãi). Như vậy, trong gói vay này lãi suất là 180%/1 năm, T thu lợi thực tế theo quy định là 3.666.666,67đ, thu lợi bất chính thực tế là 27.333.333,33đ. Đến ngày 16/01/2024, ông Quang chưa trả lại tiền gốc cho T nên tính số tiền thu lợi bất chính mà T đã thu thực tế và sẽ hướng đến theo quy định pháp luật được tính là 36.000.000đ (số tiền lãi tháng đã và sẽ thu) + 1.246.575,34đ (số tiền ngày sẽ thu) = 37.246.575,34đ. Đến ngày 10/02/2024, ông Quang đã chủ động đến gặp T và trả số tiền gốc 20.000.000đ cho T.

* Đối với các khoản vay của ông Nguyễn Đức T với T đều thỏa thuận tiền lãi mỗi tháng đóng 150.000đ/1triệu, trường hợp chưa hết tháng mà ông Tuyên trả lại gốc thì tiền lãi mỗi ngày đóng 5.000đ/1triệu:

- Ngày 06/5/2023, ông Tuyên vay T với số tiền 10.000.000đ. Đến ngày 06/01/2024, ông Tuyên đã trả tiền lãi trong 08 tháng cho T với tổng số tiền 12.000.000đ. Như vậy, trong gói vay này lãi suất là 180%/1 năm, T thu lợi thực tế theo quy định là 1.333.333,33đ, thu lợi bất chính thực tế là 10.666.666,67đ. Đến ngày 16/01/2024, ông Tuyên chưa trả lại tiền gốc cho T nên tính số tiền thu lợi bất chính mà T đã thu thực tế và sẽ hướng đến theo quy định pháp luật được tính là 10.666.666,67đ (số tiền lãi tháng đã và sẽ thu) + 445.205,48đ (số tiền ngày sẽ thu) = 11.111.872,15đ. Đến nay, ông Tuyên vẫn chưa trả số tiền 10.000.000đ đã vay của T.

- Ngày 24/5/2023, ông Tuyên vay T với số tiền 5.000.000đ. Đến ngày 24/12/2023, ông Tuyên đã trả tiền lãi trong 07 tháng cho T với tổng số tiền 5.250.000đ. Như vậy, trong gói vay này lãi suất là 180%/1 năm, T thu lợi thực tế theo quy định là 583.333,33đ, thu lợi bất chính thực tế là 4.666.666,67đ. Đến ngày 16/01/2024, ông Tuyên chưa trả lại tiền gốc cho T nên tính số tiền thu lợi bất chính mà T đã thu thực tế và sẽ hướng đến theo quy định pháp luật được tính là 4.666.666,67đ (số tiền lãi tháng đã và sẽ thu) + 511.986,30đ (số tiền ngày sẽ thu) = 5.178.652,97đ. Đến nay, ông Tuyên vẫn chưa trả số tiền 5.000.000đ đã vay của T.

- Ngày 19/6/2023, ông Tuyên vay T với số tiền 5.000.000đ. Đến ngày 19/12/2023, ông Tuyên đã trả tiền lãi trong 06 tháng cho T với tổng số tiền 4.500.000đ. Như vậy, trong gói vay này lãi suất là 180%/1 năm, T thu lợi thực tế

theo quy định là 500.000đ, thu lợi bất chính thực tế là 4.000.000đ. Đến ngày 16/01/2024, ông Tuyên chưa trả lại tiền gốc cho T nên tính số tiền thu lợi bất chính mà T đã thu thực tế và sẽ hướng đến theo quy định pháp luật được tính là 4.000.000đ (số tiền lãi tháng đã và sẽ thu) + 623.287,67đ (số tiền ngày sẽ thu) = 4.623.287,67đ. Đến nay, ông Tuyên vẫn chưa trả số tiền 5.000.000đ đã vay của T.

* Đối với các khoản vay của bà Nguyễn Thu T với T đều thỏa thuận tiền lãi mỗi tháng đóng 150.000đ/1 triệu, trường hợp chưa hết tháng mà bà Thủy trả lại gốc thì tiền lãi mỗi ngày đóng 5.000đ/1 triệu:

- Ngày 23/06/2023, bà Thủy vay T với số tiền 20.000.000đ. Đến ngày 23/8/2023, bà Thuỷ đã trả tiền lãi trong 02 tháng cho T với tổng số tiền 6.000.000đ. Cũng tại thời điểm ngày 23/8/2023, bà Thuỷ thỏa thuận với T trong gói vay này chỉ xin trả gốc và không tính lãi thì T đồng ý. Như vậy, trong gói này lãi xuất 180%/1 năm, T thu lợi thực tế theo quy định là 666.666,67đ, thu lợi bất chính là 5.333.333,33đ. Đến nay, bà Thủy vẫn chưa trả số tiền 20.000.000đ đã vay của T.

- Ngày 28/8/2023, bà Thủy vay T với số tiền 30.000.000đ. Đến ngày 28/10/2023, bà Thuỷ đã trả tiền lãi trong 02 tháng cho T với tổng số tiền 6.000.000đ. Như vậy, trong gói vay này lãi suất là 180%/1 năm, T thu lợi thực tế theo quy định là 1.000.0000đ, thu lợi bất chính thực tế là 8.000.000đ. Đến ngày 16/01/2024, bà Thủy chưa trả lại tiền gốc cho T nên tính số tiền thu lợi bất chính mà T đã thu thực tế và sẽ hướng đến theo quy định pháp luật được tính là 16.000.000đ (số tiền lãi tháng đã và sẽ thu) + 2.537.671,23đ (số tiền ngày sẽ thu) = 18.537.671,23đ. Đến nay, bà Thủy vẫn chưa trả số tiền 30.000.000đ đã vay của T.

* Đối với các khoản vay của Trịnh Văn Q:

- Ngày 03/11/2023, ông Quang vay T với số tiền 10.000.000đ thoả thuận mỗi tháng (30 ngày) đóng 1.500.000đ tiền lãi, trường hợp chưa hết tháng mà ông Quang trả lại gốc thì mỗi ngày đóng 50.000đ tiền lãi. Đến ngày 03/01/2024, ông Quang đã trả tiền lãi trong 02 tháng cho T với tổng số tiền là 3.000.000đ. Như vậy, trong gói vay này lãi suất là 180%/1 năm, T thu lợi thực tế theo quy định là 333.333,33đ, thu lợi bất chính thực tế là 2.666.666,67đ. Đến ngày 16/01/2024, ông Quang chưa trả lại tiền gốc cho T nên tính số tiền thu lợi bất chính mà T đã thu thực tế và sẽ hướng đến theo quy định pháp luật được tính là 2.666.666,67đ (số tiền lãi tháng đã thu) + 578.767,12đ (số tiền ngày sẽ thu) =

3.245.433,79đ. Ngày 28/01/2024, ông Quang vẫn chưa trả số tiền 10.000.000đ đã vay của T.

* Đối với khoản vay của ông Bùi Văn Thành:

- Ngày 03/04/2023, ông Thành vay T với số tiền 20.000.000đ, thỏa thuận mỗi ngày đóng 100.000đ tiền lãi. Đến ngày 29/6/2023, ông Thành đã trả tiền gốc và tiền lãi trong 86 ngày cho T với tổng số tiền là 28.600.000đ. Như vậy, trong gói vay này lãi suất là 182,5%/1 năm, T thu lợi thực tế theo quy định là 942.465,75đ, thu lợi bất chính thực tế là 7.657.534,25đ.

- Ngày 26/12/2023, ông Thành vay T với số tiền 20.000.000đ, thỏa thuận mỗi tháng đóng 3.000.000đ tiền lãi. Như vậy, trong gói vay này lãi suất là 180%/1 năm, ông Thành chưa đóng tiền lãi cho T do chưa đến đóng lãi là ngày 26/01/2024 thì T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện bắt giữ. Đến ngày 16/01/2024, ông Thành chưa trả lại tiền gốc cho T nên tính số tiền thu lợi bất chính mà T sẽ hướng đến theo quy định pháp luật được tính là 1.958.904,11đ (số tiền ngày sẽ thu). Đến ngày 28/01/2024, ông Thành đã chủ động đến gặp T và trả số tiền gốc 20.000.000đ cho T.

Ngày 16/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Riềng đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở của  Phạm Quốc T tại thôn Phú Nguyên, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng thu giữ các vật chứng:

- 10 (mười) tờ giấy A4 có chữ dịch vụ cầm đồ (mẫu đánh máy sẵn).

- 12 (mười) tờ giấy A4 có chữ Hợp đồng vay tiền (mẫu đánh máy sẵn).

- 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Sacombank tên Phạm Quốc T, số tài khoản 050090482928.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh, số Imel 1: 352872110070624, số Imel 2: 352872110121643, gắn sim 0976.008.110.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng gold, mật khẩu 123456, số IMEI 353107102393358 (đã qua sử dụng) được gắn với sim số 0343.237.053.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, loại Galaxy A30 màu đen, mật khẩu máy không có, số IMEI (khe 1) 354868101581371 (đã qua sử dụng) không được gắn sim thuê bao.

- 04 (bốn) hợp đồng vay tiền có chữ viết thể hiện người cho vay là Phạm Quốc T với người vay có ghi ngày, chữ ký xác nhận của các bên được T đánh số từ 1 đến số 04 có chữ ký xác nhận phía trước bằng bằng bút bi màu đỏ.

*Tại bản Cáo trạng số: 20/Ctr – Vks ngày 21/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội "Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng đến 30 tháng

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Xử phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng nộp vào Ngân sách nhà nước.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án.

- Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trên và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định tài sản và các tài liệu chứng cứ khác được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 11/2022 đến ngày 16/01/2024, bị cáo Phạm Quốc T đã sử dụng tổng số tiền 340.000.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh Q, ông Nguyễn Đức T, ông Trịnh Văn Q, ông Bùi Ngọc T và bà Nguyễn Thu T vay lãi với lãi xuất từ 180%/năm đến 182,5%/năm đều vượt quá 9 lần do với lãi xuất quy định

là 20%/năm. Mặc dù số tiền thu lợi bất chính thực tế là 93.029.680,37đ (Chín mươi ba triệu không trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi phẩy ba mươi bảy đồng) cũng như người vay chưa trả đủ số tiền lãi theo thỏa thuận. Tuy nhiên, căn cứ vào Nghị Quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì xác định tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính (gồm số tiền đã thu và số tiền người cho vay hướng đến) là số tiền 113.598.744,29đ (Một trăm mười ba triệu năm trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi bốn phẩy hai mươi chín đồng).

Hành vi của bị cáo đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến sự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh tiền tệ và xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo nhận thức được tác hại do hành vi phạm tội của mình gây ra nhưng vì lợi ích của bản thân, bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo và cũng để giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội ít nguy hiểm có thể tự cải tạo bản thân để trở thành công dân tốt cho xã hội, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo với bị cáo là phù hợp.

Hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 04 hợp đồng vay tiền có chữ viết thể hiện người cho vay là Phạm Quốc T với người vay có ghi ngày, chữ ký xác nhận của các bên được T đánh số từ 1 đến số 04 có chữ ký xác nhận phía trước bằng bằng bút bi màu đỏ, 10 (mười) tờ giấy A4 có chữ dịch vụ cầm đồ (mẫu đánh máy sẵn), 12 (mười) tờ giấy A4 có chữ Hợp đồng vay tiền (mẫu đánh máy sẵn) bên trong có ghi nội dung liên quan đến việc cho vay là vật chứng vụ án đã được đánh số bút lục có tại hồ sơ vụ án nên HĐXX không xem xét.

- Đối với 01 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank tên Phạm Quốc T mở từ tài khoản số tài khoản 050090482928. Qua điều tra xác định, T dùng tài khoản trên để thực hiện hoạt động phạm tội cho vay lãi nặng như trên nhưng không sử dụng thẻ ATM này vào việc phạm tội nên cần trả lại cho T.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh, số Imel 1: 352872110070624, số Imel 2: 352872110121643, gắn sim 0976.008.110 thu giữ của T. Qua điều tra xác định T sử dụng điện thoại này là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể: T dùng điện thoại để liên lạc và cài App Sacombank để chuyển, nhận các khoản tiền gốc, lãi của những người vay tiền của T nên cần tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng gold, số IMEI 353107102393358 được gắn với sim số 0343237053 và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A30 màu đen, số IMEI 354868101581371 không có gắn sim thuê bao thu giữ của T. Qua điều tra xác định điện thoại là tài sản cá nhân của T, T không sử dụng vào việc hành vi phạm tội nên cần trả lại cho T.

- Đối với số tiền cho vay thì T đã thu lại số tiền gốc thực tế là 260.000.000đ (Gồm ông Nguyễn Thanh Q là 220.000.000đ + ông Bùi Ngọc T là 40.000.000đ) đây là công cụ T dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần truy thu của T để nộp vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với tổng số tiền lãi (20%) mà T đã thu thực tế của những người vay là 11.820.319,6đ (gồm ông Nguyễn Thanh Q là 6.461.187,22đ + ông Bùi Ngọc T là 942.465,75đ + ông Trịnh Văn Q là 333.333,33đ + ông Nguyễn Đức T là 2.416.666,66đ + bà Nguyễn Thu T là 1.666.666,67đ) là tiền lãi do T thực hiện hành vi phạm tội mà có nên cần truy thu từ T số tiền trên để nộp vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền lãi mà T đã thu thực tế (>20%/năm) là 93.029.680,37 đồng (gồm ông Nguyễn Thanh Q 50.038.812,8 đồng + ông Bùi Ngọc T 7.657.534,25 đồng + ông Trịnh Văn Q 2.666.666,67 đồng + ông Nguyễn Đức T 19.333.333,34 đồng + bà Nguyễn Thu T là 13.333.333,33 đồng) là tiền lãi do T thực hiện hành vi phạm tội mà có và là số tiền thu trái pháp luật của người vay

nên cần truy thu số tiền trên từ T để tiến hành trả lại cho người vay theo thống kê trên.

- Đối với số tiền là số tiền gốc 80.000.000 đồng mà những người vay chưa trả cho T (gồm ông Nguyễn Đức T 20.000.000 đồng + bà Nguyễn Thu T 50.000.000 đồng + ông Trịnh Văn Q 10.000.000 đồng) chưa trả lại cho T. Đây là số tiền T sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa nhận lại từ những người vay nên cần truy thu từ ông Nguyễn Đức T 20.000.000 đồng, bà Nguyễn Thu T 50.000.000 đồng, ông Trịnh Văn Q 10.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách nhà nước.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt**

Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Phạm Quốc T 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Xử phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng nộp vào Ngân sách nhà nước.

**2. Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên trả 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng Sacombank tên Phạm Quốc T mở từ tài khoản số tài khoản 050090482928; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu vàng gold, số IMEI 353107102393358 được gắn với sim

số 0343237053 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30 màu đen, số IMEI 354868101581371 không có gắn sim thuê bao cho Phạm Quốc T.

- Tuyên tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh, số Imel 1: 352872110070624, số Imel 2: 352872110121643, gắn sim 0976.008.110 của Phạm Quốc T.

- Truy thu bị cáo Phạm Quốc T số tiền dùng vào việc phạm tội là 364.849.999,97 đồng. Trả cho ông Nguyễn Thanh Q số tiền lãi vượt quá mà Quang đã đưa cho bị cáo là 50.038.812,8 đồng và trả cho ông Bùi Ngọc T số tiền lãi vượt quá mà Thành đã đưa cho bị cáo là 7.657.534,25 đồng.

- Truy thu của Nguyễn Đức T số tiền 20.000.000 đồng đã mượn của bị cáo Phạm Quốc T nộp vào Ngân sách nhà nước và trả lại cho Nguyễn Đức T số tiền lãi vượt quá mà Tuyên đã đưa cho bị cáo là 19.333.333,34 đồng.

- Truy thu của Nguyễn Thu T số tiền 50.000.000 đồng đã mượn của bị cáo Phạm Quốc T nộp vào Ngân sách nhà nước và trả lại cho Nguyễn Thu T số tiền lãi vượt quá mà Thủy đã đưa cho bị cáo là 13.333.333,33 đồng.

- Truy thu của Trịnh Văn Q số tiền 10.000.000 đồng đã mượn của bị cáo Phạm Quốc T nộp vào Ngân sách nhà nước và trả lại cho Trịnh Văn Q số tiền lãi vượt quá mà Quang đã đưa cho bị cáo là 2.666.666,67 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Phú Riềng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng)

**3. Án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí: Buộc bị cáo Phạm Quốc T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng).*

**4. Quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
*- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
*- VKSND huyện Phú Riềng;*
*- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;*
*- CA huyện Phú Riềng;*
*- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;*
*- Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bình**